TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 9 năm 2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cúc
2. Bà Vũ Thị Hảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Huyền T, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp BY, xã TB, huyện VC, tỉnh ĐN (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu C, ấp TS, xã BH, huyện VC, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn chị Trương Thị Huyền T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Thanh H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BH, huyện VC, tỉnh ĐN, được UBND xã BH cấp giấy chứng kết hôn số 112, quyển số 1/2013 ngày 09/8/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã và đánh nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2016, tôi về nhà mẹ ruột của tôi ấp BY, xã TB, huyện VC, tỉnh ĐN sống, quá trình sống ly thân tôi và anh H có gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Thanh H.

- Về con chung: Tôi và anh H chung sống với nhau có 01 con chung tên là Lê Bảo N, sinh ngày 25/5/2014, hiện cháu N đang ở với tôi. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu

tiếp tục được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Thanh H vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trương Thị Huyền T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Lê Thanh H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu C, ấp T S, xã BH, huyện VC, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VC.

Bị đơn anh Lê Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H tại phiên tòa.

Về nội dung:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Huyền T và anh Lê Thanh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BH, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã BH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 1/2013 ngày 09/8/2013 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn chính của chị T và anh H là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã và đánh nhau, chị T và anh H sống ly thân từ tháng 4/2016 đến nay. Thời gian ly thân anh H có gặp chị T để hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Theo biên bản lấy lời khai của bà Đào Kim T1 (là mẹ ruột của anh Lê Thanh H) ngày 12/7/2017 có nội dung: "T và H sống với nhau không hợp tính tình, thường hay lời qua tiếng lại, đỉnh điểm trong tháng 4/2016 (không nhớ ngày) T và H cãi nhau, T thách thức H nên H có tát Trang 01 cái, T dọn đồ đạc bỏ về nhà mẹ ruột sống từ đó cho đến nay không quay trở về nhà chồng. H có đến nhà mẹ vợ gặp T để hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Nay T có đơn xin ly hôn với H nộp tại Tòa án thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật".Tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn với anh H vì tình cảm không còn. Như vậy, tình cảm chị T và anh H dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn đối với anh Lê Thanh H.

[2].Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên là Lê Bảo N, sinh ngày 25/5/2014, hiện cháu N đang ở cùng chị T tại nhà mẹ ruột của chị T tại ấp BY, xã TB, huyện VC được chị và bà ngoại chăm sóc phát triển bình thường, được đi học tại Trường mẫu giáo TB. Hiện chị đang làm công nhân Công ty Chang Shin thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện kinh tế nuôi con. Anh H không có ý kiến hay tranh chấp gì về việc ai trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa chị yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị tiếp tục được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N sau khi ly hôn, tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu trên của chị T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 25/5/2014 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3].Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].Về án phí: Chị Trương Thị Huyền T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VC tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Thanh H vắng mặt từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc phiên tòa.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Huyền T về quan hệ hôn nhân; về nuôi con chung. Còn về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Huyền T và anh Lê Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Bảo N, sinh ngày 25/5/2014 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Huyền T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo theo biên lai thu số:

001306 ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VC. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện VC;
- THADS huyện VC;
- UBND xã BH;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuân